

Số: 41/2024/QĐST-LĐ

Trảng Bàng, ngày 12 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Phạm Minh Tú.

Thư ký phiên họp: ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên họp: ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 29/2023/TLST-LĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số 28/2024/QĐST-LĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, theo quyết định hoãn phiên họp số 01/2024/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** chị Võ Kim N, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty TNHH D, địa chỉ: Đường số E, Khu công nghiệp T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- **Người đại diện theo pháp luật:** ông Chang Yu T, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bảo hiểm xã hội thị xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: số C L, phường T, thị xã T, Tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Lâm Thị Hồng T1, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Chị Trương Thị Kim N1, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong quá trình giải quyết việc lao động - người yêu cầu giải quyết việc dân sự – chị Võ Kim N trình bày:

Chị Võ Kim N làm việc ở Công ty TNHH G, huyện G, tỉnh Tây Ninh vào tháng 6/2008 và sử dụng CMND số 290836427 để tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ là 4507008538. Tháng 7/2008, chị Võ Kim N nghỉ việc tại Công ty.

Từ tháng 8/2008 đến tháng 7/2009, chị Võ Kim N làm việc tại Công ty TNHH M tại huyện G, tỉnh Tây Ninh, đến tháng 8/2009 thì nghỉ việc tại đây.

Từ tháng 9/2009 đến tháng 4/2022, chị Võ Kim N làm việc tại Công ty TNHH D1 ở thị xã T, tỉnh Tây Ninh và tiếp tục tham gia BHXH theo sổ số 4507008538.

Tuy nhiên, trong thời gian từ tháng 9/2006 đến tháng 7/2009, chị Võ Kim N cho chị Trương Thị Kim N1 mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc tại Công ty TNHH D nên Công ty TNHH D và chị Trương Thị Kim N1 đã giao kết hợp đồng lao động với tên là Võ Kim N. Tại đây, Công ty TNHH D tham gia BHXH cho Trương Thị Kim N1 với số bảo hiểm 4507008538.

Đến năm 2023, chị Võ Kim N làm thủ tục lãnh bảo hiểm xã hội thì phát hiện trong thời gian từ tháng 6/2008 đến tháng 7/2009, chị Võ Kim N và chị Trương Thị Kim N1 cùng tham gia bảo hiểm với số sổ 4507008538.

Vì vậy, nay chị Võ Kim N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH D với chị Trương Thị Kim N1 đứng dưới tên Võ Kim N là vô hiệu mục đích để chị Võ Kim N đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần theo quy định.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, bên có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH D có văn bản trình bày ý kiến ngày 19/04/2024:

Ngày 27/08/2006, Công ty TNHH D và chị Võ Kim N ký hợp đồng lao động có thời hạn số hợp đồng 20060827100/HĐLĐ, khi ký hợp đồng lao động chị Võ Kim N được tuyển dụng vào vị trí chính lý. Chị Võ Kim N làm việc tại Công ty TNHH D từ ngày 27/08/2006 đến ngày 20/07/2009 thì nghỉ việc nên Công ty TNHH D đã chấm dứt hợp đồng lao động với chị Võ Kim N kể từ ngày 21/07/2009. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm đầy đủ cho chị Võ Kim N bắt đầu từ khi ký hợp đồng cho đến khi chị Võ Kim N nghỉ việc và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Chị Võ Kim N cho rằng chị cho chị Trương Thị Kim N1 mượn chứng minh nhân dân để làm việc tại Công ty TNHH D thì Công ty không biết được. Khi tuyển dụng, các tài liệu và thông tin cá nhân do người lao động cung cấp cho Công ty đã được công chứng, chứng thực theo quy định.

Nay chị Võ Kim N yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Trương Thị Kim N1 (đứng dưới tên Võ Kim N) và Công ty TNHH D vô hiệu nhằm mục đích nhận tiền bảo hiểm và không tranh chấp, yêu cầu liên quan đến các nội dung khác thì Công ty TNHH D đồng ý.

Do bận công việc nên nay Công ty TNHH D đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt. Công ty TNHH D đồng ý với yêu cầu của chị Võ Kim N về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động từ tháng 9/2006 đến tháng 7/2009 được ký kết giữa Công ty TNHH D với chị Trương Thị Kim N1 đứng dưới tên Võ Kim N là vô hiệu. Ngoài ra, Công ty TNHH D không có yêu cầu gì trong việc lao động trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Trương Thị Kim N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự, triệu tập để tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người yêu cầu.

Người đại diện theo ủy quyền của bên có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thị xã T, tỉnh Tây Ninh - bà Lâm Thị Hồng T1 có văn bản trình bày ngày 26/04/2024:

BHXH thị xã T cung cấp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Võ Kim N, sinh năm 1987 (CMND: 290836427) với mã số BHXH: 4507008538 (bà Võ Kim N đã hưởng trợ cấp BHXH 1 lần quá trình đóng BHXH tại Cty TNHH Dụng cụ thể thao K từ tháng 09/2006 đến tháng 07/2009)

Kiến nghị Tòa án Nhân dân thị xã Trảng Bàng xem xét tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Võ Kim N và Cty TNHH Dụng cụ Thể thao K.

Việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết yêu cầu:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự và đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc giải quyết việc lao động. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 15, 16, 49 Bộ luật Lao động và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng giải quyết việc lao động xem xét quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Võ Kim N. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Võ Kim N, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh và Công ty TNHH D là vô hiệu.

2. Chị N phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Võ Kim N yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Trương Thị Kim N1 (đứng dưới tên Võ Kim N) và Công ty TNHH D vô hiệu. Đây là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH D có trụ sở tại đường số E, Khu công nghiệp T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Người yêu cầu vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Kim N1 vắng mặt tại phiên họp không lý do. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH D với chị Trương Thị Kim N1 đứng dưới tên Võ Kim N là vô hiệu thấy rằng: chị Võ Kim N trình bày, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2006 đến tháng 7/2009 chị Trương Thị Kim N1 có mượn chứng minh nhân dân của chị Võ Kim N để làm việc tại Công ty TNHH D và được Công ty Đ cho chị Trương Thị Kim N1 từ tháng 9/2006 đến tháng 7/2009 với số sổ bảo hiểm xã hội là 4507008538. Chị Trương Thị Kim N1 (dưới tên Võ Kim N) đã ký kết với Công ty TNHH D Thẻ Thao Kiều Minh hợp đồng lao động 20060827100/HĐLD ngày 27/08/2006, có thời hạn.

Công ty TNHH D cũng có văn bản xác nhận chị Võ Kim N làm việc tại Công ty TNHH D từ ngày 27/08/2006 đến ngày 20/07/2009 và công ty đã thực

hiện đóng bảo hiểm xã hội cho chị N trong thời gian làm việc tại công ty với số sổ bảo hiểm xã hội là 4507008538.

Tuy nhiên, từ tháng 6/2008 đến tháng 07/2008, chị Võ Kim N làm việc ở công ty TNHH G, huyện G, tỉnh Tây Ninh, sử dụng CMND số 290836427 để tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ: 4507008538. Từ tháng 8/2008 đến tháng 7/2009, chị Võ Kim N làm việc tại Công ty TNHH M tại huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Như vậy, việc chị Trương Thị Kim N1 mượn chứng minh nhân dân và sử dụng thông tin cá nhân của chị Võ Kim N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “*Trung thực*”, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội T2 đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Võ Kim N và qua đối chiếu quá trình tham gia bảo hiểm xã hội thể hiện: Thời gian đóng bảo hiểm xã hội bị trùng từ tháng 06/2008 đến tháng 7/2008 tại Công ty TNHH D và công ty TNHH G, với số sổ bảo hiểm xã hội là 4507008538. Do đó, nay chị Võ Kim N yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH D với chị Trương Thị Kim N1 (do sử dụng thông tin của chị Võ Kim N để giao kết hợp đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Chị Võ Kim N phải chịu lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Võ Kim N.

Tuyên bố hợp đồng lao động số 20060827100/HĐLĐ ngày 27/08/2006 giữa

chị Võ Kim N, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (do chị Trương Thị Kim N1 ký kết) với Công ty TNHH D là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: chị Võ Kim N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015167 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- CCTHA thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Phạm Minh Tú